

THỐNG KÊ TRẺ EM TỪ 0 ĐẾN 5 TUỔI PHỔ CẬP GDMN
Thời điểm: ngày 31 tháng 5 năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẮK MÔN

Biểu

Năm sinh		1	2025	2024	2023	2022	2021	2020	2019
Độ tuổi		2	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	6 tuổi
Tổng số trẻ trong độ tuổi		3	93	225	255	213	235	266	258
Trong đó	Trẻ em gái	4	36	122	132	111	124	137	119
	Trẻ dân tộc thiểu số	5	83	218	235	196	219	238	243
Trẻ khuyết tật trong độ tuổi	Tổng số	6	0	0	1	0	4	1	2
	Số trẻ có khả năng học tập	7	0	0	0	0	2	0	0
	Số trẻ được tiếp cận giáo dục	8	0	0	0	0	2	0	1
Số trẻ phải huy động		9	93	225	254	213	231	265	256
Số trẻ đến trường, nhóm, lớp		10	0	0	53	166	233	265	256
Trong đó: Trẻ ở xã/phường học tại địa bàn xã/phường		11	0	0	52	166	228	257	250
Trẻ ở xã/phường học trái tuyến tại địa bàn khác		12	0	0	1	0	5	8	6
Tỉ lệ huy động		13	0,0	0,0	26,2	79,5	100,0	100,0	100,0
Trong số trẻ đến trường, lớp	Trẻ em gái	14	0	0	31	83	124	137	119
	Trẻ dân tộc thiểu số	15	0	0	51	160	218	237	241
	Trẻ DTTS được chuẩn bị T. Việt	16	0	0	51	160	218	237	241
Trẻ từ nơi khác đến học (trái tuyến)		17	0	0	2	1	3	2	1
Số trẻ học 2 buổi/ngày		18	0	0	53	166	233	265	256
Tỉ lệ trẻ học 2 buổi ngày		19	0,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Số trẻ bị chết		20							
Số trẻ chuyển đi		21							
Số trẻ chuyển đến		22							1
Số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN(*)		23							256
Tỉ lệ hoàn thành chương trình GDMN		24							100
Trẻ từ nơi khác đến học hoàn thành CT GDMN		25							

(*)Trẻ hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non là trẻ được học 2 buổi/ngày trong thời gian một năm học theo Chương trình giáo dục mầm non dành cho mẫu giáo Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, số ngày nghỉ học không quá 45 ngày.

Tiêu chí	Số lượng	Tỉ lệ
Trẻ 5 tuổi đến trường	250	100,0
Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN	256	100,0
Trẻ 5 tuổi khuyết tật được tiếp cận GD		
Trẻ học 2 buổi/ngày	250	100,0

tu 1

Tổng cộng
0-5 tuổi
1418
722
1306
6
2
2
1412
848
828
20
427,5
435
783
783
9
848
500,0
1
131
100

5-6 tuổi do